TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2026/HS-ST
Ngày 14/8/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Điền và bà Huỳnh Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Mai Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng, điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 02 Công an thành phố Đà Nẵng và điểm cầu thành phần Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số:179/2026/TLST-HS ngày 27/7/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:1090/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ ĐÌNH K**, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1994, tại xã T, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng; Số CCCD: 049094005xxx; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; con ông Lê Đình A, sinh năm: 1970 và bà Võ Thị L, sinh năm: 1972; bị cáo có vợ, 02 con. Bị tạm giữ từ ngày 22/02/2026, đến ngày 28/02/2026 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 - Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1992, CCCD số: 049092014xxx, trú tại: Tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Thạch Thị S**, sinh năm 2005, CCCD số: 0843050009xxx, trú tại: Ấp L, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1983, CCCD số: 049083010xxx, trú tại: Khối phố Q, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Nguyễn Quốc T1**, sinh năm 1992, CCCD số: 052092018xxx, trú tại: Thôn V, phường A, tỉnh Gia Lai.

- Ông **Mai Xuân P**, sinh năm 1989, CCCD số: 048089001xxx, trú tại: Khối phố N, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Phan Văn C**, sinh năm 1988, CCCD số: 049088014xxx, trú tại: Thôn C, xã G, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1995, CCCD số: 048195006xxx, trú tại: Tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Hà Thị H**, sinh năm 2003, CCCD số: 079303041xxx, trú tại: Phường A, thành phố Đà Nẵng.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 22/02/2026, Mai Xuân P, Phan Văn C, Nguyễn Thị H, Lê Đình K, Nguyễn Quốc T, Thạch Thị S, Hà Thị H đang ngồi nhậu tại nhà của Mai Xuân P tại khối phố N, phường Đ, thành phố Đà Nẵng thì C khởi xướng rủ cả nhóm đến quán karaoke H (địa chỉ: phường A, thành phố Đà Nẵng) để hát karaoke thì cả nhóm đồng ý. Lúc này, P nảy sinh ý định rủ cả nhóm sử dụng ma túy nên P sử dụng ứng dụng Zangi tài khoản "L" liên hệ đến tài khoản Zangi của một người tên "D" *(không rõ nhân thân, lai lịch; trú tại: N, phường N, thành phố Đà Nẵng)* hỏi mua 04 viên thuốc lắc với giá 1.200.000 đồng, 01 gói nước vui với giá 1.000.000 đồng, 01 gói ketamine với giá 4.000.000 đồng thì D đồng ý, P hẹn D đến quán karaoke H để giao dịch. Sau đó, P đón xe Grab cùng với K, T, H đến quán karaoke H, C điều khiển xe máy Suzuki màu đỏ, biển kiểm soát: 43S8-21xx chở H, S đến quán H, tuy nhiên khi lên đến nơi thì quán đóng cửa. Lúc này, C rủ cả nhóm đến quán karaoke A gần đó thì cả nhóm thống nhất. C dùng xe máy chở S và H đến quán A trước, sau đó quay lại lần lượt chở T, H và P, K đến quán sau. Trong lúc P đứng chờ C quay lại chở mình và K thì có một người thanh niên lạ mặt đến giao ma túy cho P cạnh quán karaoke H với số lượng như đã thỏa thuận trước đó và nhận tiền mặt trực tiếp từ P.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm vào phòng Vip3 của quán hát được một lúc thì P đem số ma túy vừa mua được trước đó ra để trên bàn và rủ mọi người cùng sử dụng. Đối với ma túy dạng túy thuốc lắc, P bẻ nhỏ ra để trên bàn. P đưa cho C ½ viên, còn lại P, T, H, S tự lấy sử dụng. Đối với ma túy ketamine, P lấy đĩa thủy tinh đựng trái cây trong phòng dùng bật lửa của P hơ nóng và đổ ketamine ra đĩa. Sau đó, P hỏi H *"có thẻ không"*, H tìm trong túi xách của mình lấy ra 01 thẻ nhựa dòng chữ HERMES PARIS đưa cho P để *"xào"* ketamine. Tiếp đó, C nói H đưa tờ tiền để quấn thành ống hút sử dụng ma túy thì H lấy tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng trong túi xách ra đưa cho C. Sau khi P xào ketamine xong thì C dùng thẻ nhựa

phân ra thành nhiều đường nhỏ và dùng ống hút lần lượt đưa cho P, S, T, H và C cùng nhau sử dụng. Do không sử dụng được ketamine và thuốc lắc nên Lê Đình K lấy ma túy đá đã đổ sẵn vào nỏ thủy tinh mà K mang theo trong người ra sử dụng. K lấy nỏ thủy tinh gắn vào chai nước và ống hút (là thức uống có sẵn tại phòng karaoke) rồi dùng bật lửa K mang theo để tự đốt và sử dụng. Sau khi K sử dụng xong, H thấy vậy cũng lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá của K ra sử dụng. Khi H sử dụng ma túy của mình, K nhìn thấy và đồng ý để H tự sử dụng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang cùng nhau sử dụng ma tuý thì Công an phường A, thành phố Đà Nẵng vào kiểm tra, phát hiện sự việc và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

** Tại bản Kết luận giám định số 337/KL-KTHS ngày 27/02/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận:*

1. Mẫu cần giám định:

- Chất rắn dạng bột màu trắng bên trong gói ni lông màu hồng không rõ hình dạng, niêm phong trong bì màu trắng, ký hiệu M1;

- 01 (một) đĩa thủy tinh, bên trên có khăn giấy ướt; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành dạng ống hút; 01 thẻ nhựa trên có dòng chữ "HERMES PARIS", tất cả được đựng trong bao ni lông màu trắng, ký hiệu M2;

- Chất rắn dạng bột màu vàng bên trong gói ni lông màu đỏ, bên ngoài có dòng chữ "Ferari", niêm phong trong phong bì màu trắng, ký hiệu M3;

- Chất màu nâu bám dính trong ống nỏ thủy tinh gắn trên nắp của chai nhựa không màu (bên ngoài có dòng chữ "Aquafina", có gắn nắp chai nhựa màu trắng trên có đục hai lỗ tròn, trong đó: 01 (một) lỗ gắn ống hút màu đen và 01 (một) lỗ gắn ống nỏ thủy tinh). Tất cả đựng trong bao ni lông màu trắng, ký hiệu M4;

- Mẫu nước tiểu ghi thu của Hà Thị H ký hiệu "1"; Nguyễn Thị H ký hiệu "2"; Lê Đình K ký hiệu "3"; Mai Xuân P ký hiệu "4"; Thạch Thị S ký hiệu "5"; Nguyễn Quốc T ký hiệu "6"; Phan Văn C ký hiệu "7";

2. Kết luận về đối tượng giám định:

- Chất bột màu trắng bên trong gói ni lông màu hồng, ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu là 13,41gam.

- Trên đĩa thủy tinh, tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, thẻ nhựa ký hiệu M2 gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Ketamine; lượng chất ma túy Ketamine bám dính quá ít nên không xác định được khối lượng.

- Chất bột màu vàng bên trong gói ni lông màu đỏ ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, Ketamine, Methamphetamine, Heroine, khối lượng mẫu là 4,97gam.

- Chất màu nâu bám dính trên đầu ống nỏ thủy tinh ký hiệu M4 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, lượng chất bám dính quá ít nên không xác định được khối lượng.

- Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine, MDMA, Ketamine, Amphetamine (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Methamphetamine), Morphine; chất 6-MAM (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine, chất MDA (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy MDMA), chất Norketamine và Dehydronorketamine (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine) trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Thị H (ký hiệu "2"), Lê Đình K (ký hiệu "3"), Mai Xuân P (ký hiệu "4"), Nguyễn Quốc T (ký hiệu "6") gửi giám định.

- Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine, MDMA, Ketamine, Amphetamine (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Methamphetamine); chất MDA (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy MDMA), chất Norketamine và Dehydronorketamine (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine) trong mẫu nước tiểu ghi thu của Thạch Thị S (ký hiệu "5") và Phan Văn C (ký hiệu "7") gửi giám định.

- Tìm thấy các chất ma túy Methamphetamine, MDMA, Amphetamine (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Methamphetamine); chất MDA (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy MDMA) trong mẫu nước tiểu ghi thu của Hà Thị H (ký hiệu "1") gửi giám định.

** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:*

- Thu giữ nơi xảy ra sự việc

+ 01 (một) gói ni lông màu hồng, không rõ hình dạng bên trong có chứa chất bột màu trắng. Niêm phong ký hiệu M1;

+ 01 (một) dĩa thủy tinh, bên trên có 01 (một) khăn giấy bị ướt, trên cùng có 01(một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (được quấn lại thành hình tròn) và 01(một) thẻ cứng có dòng HERMES PARIS. Niêm phong ký hiệu M2;

+ 01 (một) gói ni lông màu đỏ, có dòng chữ Ferari bên trong chứa chất rắn. Niêm phong ký hiệu M3;

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 01 chai nước suối hiệu Aqufina gắn nắp nhựa màu trắng trên đầu được đục 02 lỗ, một đầu được gắn bằng ống thủy tinh màu trắng, một đầu được gắn ống hút nhựa màu đen, trên đầu ống thủy tinh còn chứa một ít dung dịch màu nâu). Niêm phong ký hiệu M4.

- Thu giữ của bị can Lê Đình K:

+ 01 (một) bật lửa ga;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11 màu đen (số imei 1: 356938142165134; số imei 2: 356489842165131), gắn sim số 0928.557.252; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11 (số imei 1: 356418117789036; số imei 2: 356419117789034) màu đen, không gắn sim.

- Thu giữ của Hà Thị H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 (số imei: 356713085120705) gắn sim số 0857.755.228.

Bản Cáo trạng số 125/CT-VKSDNG-KV ngày 27 tháng 7 năm 2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng truy tố bị cáo Lê Đình K về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Đình K phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đình K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 01 chai nước suối hiệu Aquafina gắn nắp nhựa màu trắng trên đầu được đục 02 lỗ, một đầu được gắn bằng ống thủy tinh màu trắng, một đầu được gắn ống hút nhựa màu đen, trên đầu ống thủy tinh còn chứa một ít dung dịch màu nâu). Niêm phong ký hiệu M4 và 01 (một) bật lửa ga của Lê Đình K; trả lại cho Lê Đình K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11 màu đen (số imei 1: 356938142165134; số imei 2: 356489842165131), gắn sim số 0928.557.252; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11 (số imei 1: 356418117789036; số imei 2: 356419117789034) màu đen, không gắn sim; trả lại cho Hà Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 (số imei: 356713085120705) gắn sim số 0857.755.228.

Bị cáo Lê Đình K khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thể hiện sự ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt một số người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa cho những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án và không có ai đề nghị hoãn phiên toà với lý do vắng mặt họ. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Ngày 22/02/2026, tại phòng Vip 3 tầng 2 quán Karaoke "A" thuộc khối phố T, phường A, thành phố Đà Nẵng, Lê Đình K đã có hành vi tổ chức cho mình và Hà Thị H sử dụng trái phép chất ma tuý thì bị Công an phường A, thành phố Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang.

Tại bản Kết luận giám định số 337/KL-KTHS ngày 27/02/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận: Chất màu nâu bám dính trên đầu ống nỏ thủy tinh ký hiệu M4 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine, MDMA, Ketamine, Amphetamine (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Methamphetamine), Morphine; chất 6-MAM (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine, chất MDA (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy MDMA), chất Norketamine và Dehydronorketamine (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine) trong mẫu nước tiểu ghi thu của Lê Đình K (ký hiệu "3") gửi giám định; tìm thấy các chất ma túy Methamphetamine, MDMA, Amphetamine (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Methamphetamine); chất MDA (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy MDMA) trong mẫu nước tiểu ghi thu của Hà Thị H (ký hiệu "1") gửi giám định.

Do đó, hành vi của Lê Đình K đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy:

Chất ma túy đang là nguyên nhân làm gia tăng tội phạm và bạo lực trong xã hội; làm suy thoái nhân cách, phẩm giá, tàn phá cuộc sống yên vui của gia đình, gây xói mòn đạo lý, kinh tế xã hội; còn là tác nhân của căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm, làm gia tăng tệ nạn nghiện hút ma túy trong cộng đồng dân cư; không chỉ xâm phạm những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội.

[2.3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[2.4] Về hình phạt:

Trên cơ sở phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt mức án nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo; đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 01 chai nước suối hiệu Aquafina gắn nắp nhựa màu trắng trên đầu được đục 02 lỗ, một đầu được gắn bằng ống thủy tinh màu trắng, một đầu được gắn ống hút nhựa màu đen, trên đầu ống thủy tinh còn chứa một ít dung dịch màu nâu). Niêm phong ký hiệu M4 và 01 (một) bật lửa ga của Lê Đình K là công cụ sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11 màu đen (số imei 1: 356938142165134; số imei 2: 356489842165131), gắn sim số 0928.557.252; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11 (số imei 1: 356418117789036; số imei 2: 356419117789034) màu đen, không gắn sim của Lê Đình K và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 (số imei: 356713085120705) gắn sim số 0857.755.228 của Hà Thị H, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội, nên trả lại cho Lê Đình K và Hà Thị H.

- Đối với các vật chứng khác thu giữ được xử lý trong vụ án đối với bị can Mai Xuân P và đồng phạm.

[4] Về các vấn đề khác có liên quan đến vụ án:

- Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Mai Xuân P, Phan Văn C, Nguyễn Thị H vào ngày 22/02/2026: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định khởi tố vụ án số B45/QĐ-CSMT ngày 27/02/2026, Quyết định khởi tố bị can số B57/QĐ-CSMT; B58/QĐ-CSMT; B59/QĐ-CSMT ngày 27/02/2026 để điều tra xử lý trong một vụ án khác. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập hình thức xử lý và trách nhiệm hình sự đối với P, C, H trong vụ án này.

- Đối với người thanh niên tên "T" bán ma túy cho Lê Đình K, K khai nhận quen biết T ngoài xã hội (không rõ lai lịch cụ thể, chỉ biết T nhà gần cầu V thuộc phường Đ, thành phố Đà Nẵng). Ngày 20/02/2026 K tình cờ gặp T tại đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng (không rõ vị trí cụ thể) và mua của T gói ma túy đá với giá 500.000 đồng và đưa tiền mặt trực tiếp. Tiến hành xác minh tại Công an phường Đ không có đối tượng nào tên T nghi vấn bán ma túy có đặc điểm như K trình bày, địa điểm mua ma túy K mô tả không rõ ràng, cụ thể nên không thể thực hiện đươc việc xác minh, trích xuất dữ liệu camera. Tiến hành kiểm tra điện thoại K sử dụng, không phát hiện nội dung liên quan đến hành vi mua bán, tổ chức sử dụng

trái phép chất ma túy. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không có cơ sở để tiếp tục điều tra, xác minh đối với người tên T.

- Đối với việc Lê Đình K khai nhận chỉ sử dụng trái phép ma túy đá (tức Methamphetamine) vào ngày 22/02/2026 và tại nhà K vào ngày 20/02/2026 nhưng kết quả giám định nước tiểu của K dương tính với các chất ma túy khác: MDMA, Ketamine, Amphetamine, Morphin, chất MDA, Norketamine và Dehydronorketamine. Quá trình điều tra xác định, Kg không khởi xướng, hứa hẹn hay chung góp trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với C, P, H nhưng kết quả giám định nước tiểu thể hiện K đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mặt khác, K không phải là đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện theo quy định tại Điều 256a BLHS năm 2015 nhưng hành vi của K đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định 282NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của K là phù hợp.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Hà Thị H vào ngày 22/02/2026: mặc dù, H khai nhận chỉ sử dụng trái phép chất ma túy dạng đá (tức Methamphetamine) nhưng kết quả giám định nước tiểu của H dương tính với các chất ma túy khác: MDMA, Amphetamine, MDA. Quá trình điều tra xác định, H không khởi xướng hay chung góp trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với các đối tượng khác trong vụ án trên. Mặt khác, H không thuộc diện quản lý sau cai nghiện theo quy định tại Điều 256a BLHS năm 2015 nhưng hành vi của Hà Thị H vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định 282NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Công văn chuyển Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy, Công an thành phố Đà Nẵng để xử lý hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của H là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Quốc T, Thạch Thị S có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; đối tượng D bán ma túy cho P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra xử lý trong vụ án theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số B45/QĐ-CSMT ngày 27/02/2026.

- Đối với ông Lê Văn K và Nguyễn Quốc T1 là chủ quán và quản lý quán karaoke A không tham gia giúp sức, không biết việc các đối tượng có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong cơ sở do mình làm chủ và quản lý. Mặt khác, ông Lê Văn K và ông Nguyễn Quốc T1 đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong việc xử lý vụ án. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] *Về án phí*: Bị cáo Lê Đình K phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung).

Tuyên bố bị cáo Lê Đình K phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lê Đình K **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, ngày 22/02/2026.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 01 chai nước suối hiệu Aquafina gắn nắp nhựa màu trắng trên đầu được đục 02 lỗ, một đầu được gắn bằng ống thủy tinh màu trắng, một đầu được gắn ống hút nhựa màu đen, trên đầu ống thủy tinh còn chứa một ít dung dịch màu nâu). Niêm phong ký hiệu M4;

+ 01 (một) bật lửa ga của Lê Đình K.

- Trả lại cho Lê Đình K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11 màu đen (số imei 1: 356938142165134; số imei 2: 356489842165131), gắn sim số 0928.557.252; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11 (số imei 1: 356418117789036; số imei 2: 356419117789034) màu đen, không gắn sim.

- Trả lại cho Hà Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 (số imei: 356713085120705) gắn sim số 0857.755.228.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại kho vật chứng Công an thành phố Đà Nẵng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đình K phải chịu 200.000 *(hai trăm ngàn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/8/2026). Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV Công an thành phố Đà Nẵng;
- CQ. CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng;
- CQ.THA HS Công an thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 10 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đà Nẵng;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, án văn.

TAND KHU VỰC 10

WNK140626.TL.QDBA 1989

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trần Văn Sinh